



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN, KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2022

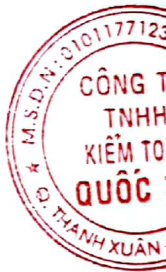


Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN, KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2022



Tháng 9 năm 2022

Được quét bằng CamS

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Thắng Bình	Chủ tịch
Ông Đào Văn Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Quang Mạnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/06/2022)
Ông Đoàn Văn Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Hồ Văn Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/06/2022)

Ban kiểm soát

Ông Cao Văn Cần	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Bùi Văn Quang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/06/2022)
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/06/2022)

Ban Giám đốc

Ông Đào Văn Dũng	Giám đốc
Ông Đoàn Văn Cường	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Đào Văn Dũng - Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đào Văn Dũng
Giám đốc

Ngày 13 tháng 09 năm 2022

Số: 130901/2022/BCSX-iCPA

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 09 năm 2022, từ trang 5 đến trang 24 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 được soạn lập trên cơ sở số liệu đầu kỳ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 do trong năm 2021, Công ty đã trích dự phòng quỹ tiền lương với tỷ lệ 10% quỹ tiền lương thực hiện năm 2021, tương ứng với giá trị 1.260.000.000 đồng là chưa phù hợp với quy định hiện hành của Chế độ Kế toán Việt Nam. Công ty chưa thực hiện bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến vấn đề nêu trên. Theo đó, trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, tại ngày 01/01/2022 và tại ngày 30/06/2022, chỉ tiêu "Phải trả người lao động" đang phản ánh cao hơn thực tế 1.260.000.000 đồng, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" phản ánh thấp hơn thực tế giá trị tương ứng.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng quỹ tiền lương ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp với số tiền 556.430.000 đồng. Theo đó, trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, tại ngày 30/06/2022, chỉ tiêu "Phải trả người lao động" đang bị phản ánh thấp hơn thực tế 556.430.000 đồng, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" phản ánh cao hơn thực tế giá trị tương ứng. Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" đang phản ánh thấp hơn thực tế 556.430.000 đồng, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" đang bị phản ánh cao hơn thực tế với giá trị tương ứng.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II, theo Giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn số 3993/GP-UBND ngày 29/12/2020, mỏ Bắc Tân Sơn sẽ hết thời hạn khai thác tại ngày 29/12/2022. Do vậy, Công ty không còn mỏ được cấp phép khai thác. Sản lượng khai thác 6 tháng đầu năm giảm do trữ lượng đá tại mỏ đã gần hết dẫn đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này của Công ty chỉ còn 5.709.246.500 đồng, tương ứng 13% so với cùng kỳ năm trước. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng Công ty được gia hạn khai thác mỏ Áng Bát.

Kết luận kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 đã được soát xét và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 tại ngày 19 tháng 08 năm 2021 và ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại ngày 22 tháng 03 năm 2022.



Trần Thiện Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 1932-2018-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)
Hà Nội, ngày 13 tháng 09 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.918.818.940	15.197.807.975
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.075.992.247	7.601.292.365
1. Tiền	111		2.075.992.247	2.601.292.365
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	4.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.511.874.666	4.091.628.380
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	3.188.086.762	4.281.363.750
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	60.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	2.600.000.000	1.500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	253.158.854	126.658.400
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.529.370.950)	(1.876.393.770)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	628.239.187	1.819.150.373
1. Hàng tồn kho	141		628.239.187	1.819.150.373
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		702.712.840	1.685.736.857
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12a	702.712.840	1.685.736.857
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.317.525.639	51.343.681.823
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		21.684.814.761	24.033.268.306
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4b	8.400.000.000	11.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	13.284.814.761	13.033.268.306
II. Tài sản cố định	220		1.056.947.448	1.835.808.087
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.056.947.448	1.835.808.087
- Nguyên giá	222		11.342.630.570	14.677.106.077
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.285.683.122)	(12.841.297.990)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	25.535.277.500	25.387.277.500
1. Đầu tư vào công ty con	251		27.132.277.500	27.132.277.500
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.597.000.000)	(1.745.000.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		40.485.930	87.327.930
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	40.485.930	87.327.930
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		65.236.344.579	66.541.489.798

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		15.951.192.124	16.989.056.929
I. Nợ ngắn hạn	310		15.951.192.124	11.345.289.929
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	201.468.867	322.055.339
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		318.074.562	53.797.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12b	115.015.660	188.132.258
4. Phải trả người lao động	314		1.012.353.500	1.637.619.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	97.432.691	207.969.743
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	44.024.523	57.946.523
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15	13.881.572.457	8.650.849.400
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		281.249.864	226.920.666
II. Nợ dài hạn	330		-	5.643.767.000
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.15	-	5.643.767.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.16	49.285.152.455	49.552.432.869
I. Vốn chủ sở hữu	410		49.285.152.455	49.552.432.869
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.628.180.000	32.628.180.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.628.180.000	32.628.180.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.656.972.455	16.924.252.869
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		16.674.252.869	15.425.371.195
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(17.280.414)	1.498.881.674
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		65.236.344.579	66.541.489.798

Trần Thị Vân

Trần Thị Vân
 Người lập biểu
 Ngày 13 tháng 09 năm 2022

Nguyễn Hữu Khiêm

Nguyễn Hữu Khiêm
 Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
 Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.709.246.500	42.302.712.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	5.709.246.500	42.302.712.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	5.544.567.276	31.847.917.045
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		164.679.224	10.454.794.955
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	534.165.390	452.701.085
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(148.000.000)	126.980.822
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	6.980.822
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	264.911.498	2.116.475.172
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	971.435.108	4.030.885.042
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(389.501.992)	4.633.155.004
11. Thu nhập khác	31	VI.6	381.127.904	665.014.747
12. Chi phí khác	32	VI.7	4.981.144	651.407.477
13. Lợi nhuận khác	40		376.146.760	13.607.270
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(13.355.232)	4.646.762.274
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	3.925.182	993.902.571
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(17.280.414)	3.652.859.703


Trần Thị Vân
Người lập biểu
Ngày 13 tháng 09 năm 2022


Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng


Đào Văn Dũng
Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(13.355.232)	4.646.762.274
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	297.375.190	1.482.465.938
Các khoản dự phòng	03	(1.051.452.820)	(725.095.143)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(907.225.394)	(465.353.757)
Chi phí lãi vay	06	-	6.980.822
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	(1.674.658.256)	4.945.760.134
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	2.427.814.550	(1.012.281.947)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	1.190.911.186	3.917.824.884
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(1.096.119.185)	842.699.328
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	46.842.000	(117.214.362)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(6.980.822)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(920.122.215)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(195.670.802)	(265.898.732)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	699.119.493	7.383.786.268
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	854.545.453	32.727.272
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(4.000.000.000)	(8.400.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.500.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	421.034.936	501.199.573
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.224.419.611)	(7.866.073.155)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	100.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(525.300.118)	(582.286.887)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.601.292.365	8.982.438.279
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	7.075.992.247	8.400.151.392

11/01/2022

Trần Thị Vân

Trần Thị Vân
 Người lập biểu
 Ngày 13 tháng 09 năm 2022

Nguyễn Hữu Khiêm

Nguyễn Hữu Khiêm
 Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
 Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Mỏ đá vôi Thống Nhất Hải Hưng được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1958. Đến năm 1977 được đổi tên là Công ty Khai thác, Chế biến đá và Khoáng sản Hải Dương. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2740/QĐ-UB ngày 04 tháng 07 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000075 ngày 18 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 11 tháng 12 năm 2019, mã số thuế 0800282498.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022 là 32.628.180.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ sáu trăm hai mươi tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn) tương ứng 3.262.818 cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, chế biến khoáng sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác chế biến đá làm nhiên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác và chế biến đất sét;
- Khai thác tận thu chế biến Bauxits;
- Khai thác cát đất đồi;
- Sửa chữa cơ khí - điện; và
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại Số 87 Vũ Mạnh Hùng, Khu dân cư số 2, Phường Phú Thứ, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương.

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên có trụ sở chính tại Xóm Làng Mới 1, Xã Tân Long, Huyện Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 99,99%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

7. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 39 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 41 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn số 3993/GP-UBND ngày 29/12/2020, mỏ Bắc Tân Sơn sẽ hết thời hạn khai thác tại ngày 29/12/2022. Do vậy, Công ty không còn mỏ được cấp phép khai thác. Sản lượng khai thác 6 tháng đầu năm giảm do trữ lượng đá tại mỏ đã gần hết dẫn đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này của Công ty chỉ còn 5.709.246.500 đồng, tương ứng 13% so với cùng kỳ năm trước. Ban lãnh đạo Công ty đang thực hiện việc xin gia hạn khai thác mỏ Áng Bát, đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty cũng đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng, quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đã lập kế hoạch dòng tiền trong 12 tháng tiếp theo. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, dòng tiền kế hoạch của Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Thêm vào đó, Công ty không có các khoản vay ngắn hạn bị quá hạn thanh toán. Dựa trên các cơ sở này, Ban Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc sau khi loại trừ đi các tổn thất theo các quy định hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là tiền phí cấp quyền khai thác mỏ.

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản được Công ty phân bổ căn cứ theo trữ lượng đã khai thác trên tổng trữ lượng được cấp phép khai thác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	04 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 14

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động. Dự phòng phải trả tại Công ty bao gồm: chi phí hoàn nguyên môi trường các mỏ Hàm Long, Áng Dầu, Áng Bát, Áng Rong, Tân Sơn và Bắc Tân Sơn.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	253.931.000	117.341.700
Tiền gửi ngân hàng	1.822.061.247	2.483.950.665
Các khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	7.075.992.247	7.601.292.365

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương - PGD Hoàng Thạch với kỳ hạn 1 tháng và hưởng lãi suất 3%/năm.

2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
Cộng	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương - PGD Hoàng Thạch theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 3,7%/năm.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH Hưng Hoà	576.044.600	769.797.000
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	416.000.000	-
Công ty TNHH Sơn Thịnh	305.471.000	305.471.000
Công ty TNHH Thương mại & Vận tải Phú Ngọc	302.526.250	319.123.150
Các khách hàng khác	1.588.044.912	2.886.972.600
Cộng	3.188.086.762	4.281.363.750

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên (i)	2.600.000.000	1.500.000.000
Cộng	2.600.000.000	1.500.000.000
b. Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên (ii)	8.400.000.000	11.000.000.000
Cộng	8.400.000.000	11.000.000.000
Trong đó: Phải thu về cho vay là bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)</i>	11.000.000.000	12.500.000.000
(i) Khoản cho vay theo hợp đồng số 01-2020/HĐVV ngày 30 tháng 03 năm 2020, số tiền 2.600.000.000 đồng, lãi suất vay 4%/năm, thời hạn vay 36 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.		
(ii) Khoản cho vay theo hợp đồng số 01-2021/HĐVV ngày 02 tháng 04 năm 2021, số tiền 8.400.000.000 đồng, lãi suất vay 4%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.		

5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Tạm ứng	10.000.000	-
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay, ký quỹ	239.788.854	126.658.400
Phải thu khác	3.370.000	-
Cộng	253.158.854	126.658.400
b. Phải thu dài hạn khác		
Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường (*)	13.284.814.761	13.033.268.306
Cộng	13.284.814.761	13.033.268.306
Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)</i>	26.288.900	126.658.400
(*) Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của các mỏ Hàm Long, Áng Dầu, Áng Bát, Áng Rong, Tân Sơn và Bắc Tân Sơn.		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Sơn Thịnh	305.471.000	-	305.471.000	-
Công ty TNHH Đức Thành	282.248.000	-	282.248.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Vinh	181.051.800	-	181.051.800	-
Công ty TNHH Ánh Dương	163.061.700	-	163.061.700	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Vận tải Đại Phú	163.020.500	-	163.020.500	-
Các khoản khác	458.106.500	23.588.550	434.517.950	420.778.730
Cộng	1.552.959.500	23.588.550	1.529.370.950	420.778.730
			2.297.172.500	1.876.393.770

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	141.296.300	-	300.644.126	-
Công cụ, dụng cụ	28.363.616	-	28.363.616	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.821.359	-	-	-
Thành phẩm	452.757.912	-	1.490.142.631	-
Cộng	628.239.187	-	1.819.150.373	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa		Máy móc		Phương tiện		Thiết bị, dụng cụ		Tổng
	nhà vật kiến trúc VND	trúc VND	thiết bị VND	thiết bị VND	vận tải VND	quản lý VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ									
Số dư đầu kỳ	6.383.506.006		7.019.053.416		1.195.056.655		79.490.000		14.677.106.077
Thanh lý, nhượng bán	(401.427.773)		(2.933.047.734)		-		-		(3.334.475.507)
Số dư cuối kỳ	5.982.078.233		4.086.005.682		1.195.056.655		79.490.000		11.342.630.570
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ									
Số dư đầu kỳ	5.776.697.359		5.862.958.792		1.122.151.839		79.490.000		12.841.297.990
Khấu hao trong kỳ	45.843.150		230.505.286		21.026.754		-		297.375.190
Thanh lý, nhượng bán	(360.627.424)		(2.492.362.634)		-		-		(2.852.990.058)
Số dư cuối kỳ	5.461.913.085		3.601.101.444		1.143.178.593		79.490.000		10.285.683.122
GIÁ TRỊ CÒN LẠI									
Tại ngày đầu kỳ	606.808.647		1.156.094.624		72.904.816		-		1.835.808.087
Tại ngày cuối kỳ	520.165.148		484.904.238		51.878.062		-		1.056.947.448

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 với giá trị là 7.089.113.914 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 7.328.842.451 đồng).

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty con	27.132.277.500	(1.597.000.000)	(*)	27.132.277.500
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên				(1.745.000.000)
Cộng	27.132.277.500	(1.597.000.000)	-	27.132.277.500
				(1.745.000.000)

(*)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHÉ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Số 87 Vũ Mạnh Hùng, Khu dân cư số 2,
Phường Phú Thứ, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B 09a - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
40.485.930	87.327.930
40.485.930	87.327.930

Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản (i)

Cộng

(i) Bao gồm tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại mỏ đá Bắc Tân Sơn.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẪN HẠN

Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
98.772.167	98.772.167	55.946.459	55.946.459
85.690.700	85.690.700	109.017.880	109.017.880
17.006.000	17.006.000	17.006.000	17.006.000
-	-	140.085.000	140.085.000
201.468.867	201.468.867	322.055.339	322.055.339

Công ty Cổ phần Phú Thịnh

Hợp tác xã Thương mại Quyết Tiến

Công ty Cổ phần MATRA Quốc Tế

Công ty Công nghiệp Hóa Chất Mỏ Quảng Ninh

Cộng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Số 87 Vũ Mạnh Hùng, Khu dân cư số 2,

Phường Phú Thù, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

MÃU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC****a. Các khoản phải thu**

	Số cuối kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND		VND		VND	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	668.571.540		3.925.182		-		672.496.722	
Thuế thu nhập cá nhân	7.811.250		530.000		-		8.341.250	
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-		1.052.812.316		47.913.431		1.004.898.885	
Phí sử dụng đất phi nông nghiệp	26.330.050		26.330.050		52.660.100		-	
Cộng	702.712.840		1.083.597.548		100.573.531		1.685.736.857	

b. Các khoản phải trả

Thuế giá trị gia tăng	34.185.560		653.388.697		684.171.340		64.968.203	
Thuế tài nguyên	50.783.600		287.323.400		318.225.055		81.685.255	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	30.046.500		183.937.144		195.369.444		41.478.800	
Cộng	115.015.660		1.124.649.241		1.197.765.839		188.132.258	

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	97.432.691		207.969.743	
Cộng	97.432.691		207.969.743	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Kinh phí công đoàn	14.808.000	19.930.000
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	17.200.000
Phải trả ngắn hạn khác	29.216.523	20.816.523
Cộng	44.024.523	57.946.523
Trong đó: Phải trả khác các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)</i>	-	17.200.000

15. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường (*) VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	14.294.616.400	14.294.616.400
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Các khoản dự phòng đã sử dụng	413.043.943	413.043.943
Số dư cuối kỳ	13.881.572.457	13.881.572.457
	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi tiết:		
Nợ ngắn hạn	13.881.572.457	8.650.849.400
Nợ dài hạn	-	5.643.767.000
Cộng	13.881.572.457	14.294.616.400

(*) Chi phí hoàn nguyên môi trường là tổng chi phí ước tính phải bỏ ra để phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác theo các Đề án cải tạo phục hồi môi trường của Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt. Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường ngắn hạn cuối kỳ bao gồm các mỏ Hàm Long, Áng Dầu, Áng Bát, Áng Rong, Tân Sơn và Bắc Tân Sơn.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	32.628.180.000	15.925.371.195	48.553.551.195
Lợi nhuận tăng trong năm	-	1.498.881.674	1.498.881.674
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số dư đầu năm nay	32.628.180.000	16.924.252.869	49.552.432.869
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	(17.280.414)	(17.280.414)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(250.000.000)	(250.000.000)
Số dư cuối kỳ này	32.628.180.000	16.656.972.455	49.285.152.455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 04 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.262.818	3.262.818
- Cổ phiếu phổ thông	3.262.818	3.262.818
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.262.818	3.262.818
- Cổ phiếu phổ thông	3.262.818	3.262.818

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán đá thô	305.880.000	3.547.309.000
Doanh thu bán đá chế biến	5.403.366.500	38.755.403.000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.709.246.500	42.302.712.000

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn đá thô	419.551.788	2.624.190.257
Giá vốn đá chế biến	5.125.015.488	29.223.726.788
Cộng	5.544.567.276	31.847.917.045

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	534.165.390	452.701.085
Cộng	534.165.390	452.701.085

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	-	6.980.822
Dự phòng (Hoàn nhập) đầu tư vào công ty con	(148.000.000)	120.000.000
Cộng	(148.000.000)	126.980.822

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí thuê máy móc, thiết bị, vận chuyển bốc xếp	264.911.498	2.116.475.172
Cộng	264.911.498	2.116.475.172
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	982.635.610	2.842.100.215
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.619.600	44.615.217
Thuế, phí và lệ phí	583.711.208	210.495.500
Trích lập (Hoàn nhập) chi phí dự phòng	(903.452.820)	222.520.230
Chi phí mua ngoài	51.098.196	204.027.198
Chi phí bằng tiền khác	227.823.314	507.126.682
Cộng	971.435.108	4.030.885.042

6. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hoàn nhập dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường	-	580.699.666
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	373.060.004	12.652.672
Thu nhập khác	8.067.900	71.662.409
Cộng	381.127.904	665.014.747
Thu nhập khác với bên liên quan <i>(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1 - Bên liên quan)</i>	103.851.601	21.000.000

7. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản phạt hành chính	4.981.144	157.550.584
Phí sử dụng số liệu, thông tin về kết quả đánh giá, thăm dò khoáng sản	-	443.856.893
Chi phí khác	-	50.000.000
Cộng	4.981.144	651.407.477

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(13.355.232)	4.646.762.274
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Chi phí không được trừ	32.981.144	322.750.584
- Chi phí không được trừ khác	32.981.144	322.750.584
Thu nhập chịu thuế	19.625.912	4.969.512.858
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	3.925.182	993.902.571
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.925.182	993.902.571

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	444.414.856	3.787.406.990
Chi phí nhân công	2.380.686.110	10.917.647.912
Chi phí khấu hao tài sản cố định	272.131.745	1.476.752.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.406.413.188	10.355.933.412
Chi phí khác bằng tiền	506.347.471	7.583.849.607
Cộng	7.009.993.370	34.121.590.911

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	Cổ đồng lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	Công ty con
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
a. Bán hàng	103.851.601	21.000.000
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	103.851.601	21.000.000
b. Cho vay	-	8.400.000.000
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	-	8.400.000.000
c. Thu hồi tiền cho vay	1.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	1.500.000.000	-
d. Lãi cho vay	231.630.500	197.205.600
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	231.630.500	197.205.600

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Các khoản phải thu của khách hàng	416.000.000	-
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	416.000.000	-
Phải thu khác ngắn hạn	26.288.900	126.658.400
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	26.288.900	126.658.400
Phải thu về cho vay	11.000.000.000	12.500.000.000
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	11.000.000.000	12.500.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	-	17.200.000
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	17.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát		
Ông Vũ Thắng Bình - Chủ tịch HĐQT	-	37.800.000
Ông Đào Văn Dũng - Phó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	76.868.000	203.935.000
Ông Đỗ Quang Mạnh - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	-	184.948.000
Ông Đoàn Văn Cường - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	78.024.000	175.959.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thành viên HĐQT	-	8.400.000
Ông Phạm Thành Đô - Thành viên HĐQT	-	4.200.000
Ông Trần Văn Sừ - Thành viên HĐQT	-	16.800.000
Ông Cao Văn Cần - Trưởng Ban kiểm soát	69.498.000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Nguyên Trưởng Ban kiểm soát	-	115.367.000
Cộng	224.390.000	747.409.000

2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2022 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trần Thị Vân
Người lập biểu
Ngày 13 tháng 09 năm 2022

Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
Giám đốc